

Số: 0309.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 15, tháng 12 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 2023.25



VILAS 502

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Nguyễn Hoàng Minh Hữu
Địa điểm lấy mẫu : Hộ kinh doanh Trạm cấp nước Bình Phong - Tại Trạm cấp nước Bình Phong. Địa chỉ: Khu phố Phong Thuận, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 15/12/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 43-MT
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 15/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 15/12/2025 - 22/12/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 35,5°C và 35,4°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 35,2°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml có định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	9,43	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,52	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	8,20	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	280	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,0004 mg/l	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/l	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	0,11	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,64	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	39,0	≤ 300 mg/L
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	19,1	≤ 250 mg/L

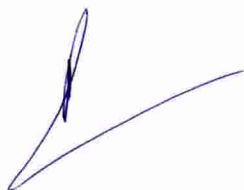
13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	0,03	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	0,06	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	8,0	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	< LOQ = 0,05 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,28	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	125,8	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	16	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	73	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu Coliforms và Pseudomonas aeruginosa không đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC




Hoàng Thị Luyện Diệu

Số: 0309.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 12 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 2024.25



Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Nguyễn Hoàng Minh Hữu
Địa điểm lấy mẫu : Hộ kinh doanh Trạm cấp nước Bình Phong - Tại hộ: Lê Hữu Thoại. Địa chỉ: Khu phố Bình Phong, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 15/12/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 44-MT
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 15/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 15/12/2025 - 22/12/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 35,5°C và 35,4°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 35,2°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cố định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	9,43	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,70	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	8,22	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	290	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,0004 mg/l	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	0,032	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	0,10	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,64	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	38,0	≤ 300 mg/L
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	21,6	≤ 250 mg/L

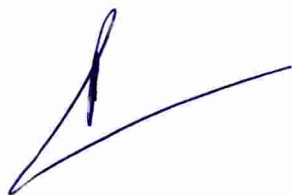
13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	0,01	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	0,05	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	7,22	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	< LOQ = 0,05 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,30	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	113,7	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	16	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	49	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu Coliforms và Pseudomonas aeruginosa không đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0309.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 12 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 2025.25



VILAS 502

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Nguyễn Hoàng Minh Hữu
Địa điểm lấy mẫu : Hộ kinh doanh Trạm cấp nước Bình Phong - Tại hộ: Trần Thị Thu Hồng. Địa chỉ: Khu phố Bình Phong, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 15/12/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 45-MT
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 15/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 15/12/2025 - 22/12/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 35,5°C và 35,4°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 35,2°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cố định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	9,43	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,52	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	8,27	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	305	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,0004 mg/l	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	0,032	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	0,13	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,64	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	38,0	≤ 300 mg/L
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	17,4	≤ 250 mg/L

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	0,003	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	0,05	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	7,89	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	< LOQ = 0,05 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,32	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	133,2	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	22	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	61	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu Coliforms và Pseudomonas aeruginosa không đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Quỳnh Diệu